TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **51**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 12 – 3 - 2024
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Hoàng Huy Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Luyến – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên sơ thẩm xét xử công khai theo hình thức số hóa, trực tuyến kết nối điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên và điểm cầu thành phần tại phòng họp trực tuyến Ủy ban nhân dân xã Minh Khương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt tại điểm cầu thành phần – Phòng họp trực tuyến UBND xã Minh Khương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn T được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai anh chị ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau,

không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định đã hết tình cảm với anh Triệu Văn T nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Triệu Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn T có 02 con chung là Triệu Văn D, sinh ngày 18/10/2002 và Triệu Văn M, sinh ngày 17/7/2005. Hiện tại cả hai con chung của chị và anh T đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn T không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Triệu Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị V được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2000. Tại thời điểm tổ chức lễ cưới thì anh và chị V chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau đó anh có được chính quyền tuyên truyền về việc đăng ký kết hôn nhưng do lâu ngày nên anh cũng không xác định được mình và chị V có đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kết hôn hay không. Sau khi cưới thì anh và chị Vân chúng sống tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V đi làm ăn xa, không gửi tiền về nhà và có quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã nhiều lần nhờ hai bên gia đình và chính quyền thôn hòa giải để khuyên nhủ chị V quay về đoàn tụ với anh nhưng chị V nhất quyết không quay về, bản thân anh cũng mong muốn chị V quay về đoàn tụ vì giữa anh và chị V chưa có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Trần Thị V có 02 con chung là Triệu Văn D, sinh ngày 18/10/2002 và Triệu Văn M, sinh ngày 17/7/2005. Hiện tại cả hai con chung của anh chị đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị Trần Thị V không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới chị V và anh T cư trú và đăng ký hộ

khẩu thường trú tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm hai người bình thường. Đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Chính quyền, người thân và bà con hàng xóm đã hòa giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình chung sống chị V và anh T có 02 con chung Triệu Văn D, sinh ngày 18/10/2002 và Triệu Văn M, sinh ngày 17/7/2005. Hiện tại các con của chị V và anh T đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Quá trình chung sống chị V và anh T không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T có 02 con chung là Triệu Văn D, sinh ngày 18/10/2002 và Triệu Văn M, sinh ngày 17/7/2005. Hiện tại các con của chị Vân và anh Tư đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho chị Vân do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Triệu Văn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa chị V và anh T ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Chị V xác định không còn tình cảm với anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T đều xác định có 02 con chung là Triệu Văn D, sinh ngày 18/10/2002 và Triệu Văn M, sinh ngày 17/7/2005. Hiện tại các con của chị V và anh T đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Triệu Văn T.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Trần Thị V. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San